CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT PETRO MIỀN TRUNG

CV số : 01/01/2025/CVGT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Quảng Nam, ngày 22 tháng 01 năm 2025

" V/V : Giải trình số liệu Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh quý 4 năm 2024 so với KQKD quý 4 năm 2023 của BCTC Riêng và hợp nhất".

Kính gửi : - ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
- SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH (HOSE)

- Căn cứ Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán

- Đơn vị giải trình : **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT PETRO MIỀN TRUNG**
- Mã chứng khoán : **PMG**
- PhóTổng Giám đốc : **NGUYỄN VĂN TRUNG**
- Nội dung giải trình : Chênh lệch lợi nhuận kết quả hoạt động kinh doanh quý 4 năm 2024 so với KQKD quý 4 năm 2023 của BCTC riêng và hợp nhất

Công ty Cổ phần đầu tư và sản xuất Petro Miền Trung được thành lập theo giấy phép đăng ký kinh doanh số 4000462724 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Nam đăng ký thay đổi lần thứ 21 cấp ngày 26/09/2024. Chúng tôi xin giải trình số liệu chênh lệch doanh thu và lợi nhuận sau thuế trên báo cáo riêng và hợp nhất quý 4 năm 2024 so với quý 4 năm 2023 như sau

BẢNG SO SÁNH SỐ LIỆU TRÊN BÁO CÁO RIÊNG

Đơn vị tính: VNĐ

Chỉ tiêu	Qúy 4/2024	Quý 4/2023	Năm 2024	Năm 2023	Chênh lệch Q4/24- Q4/23	Chênh lệch N 2024 -N 2023
1	2	3	4	5	6=2-3	7=4-5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	436.447.413.941	411.811.553.967	1.641.531.351.215	1.540.860.489.935	24.635.859.974	100.670.861.280
3. Doanh thu thuần về BH và c/c DV	436.447.413.941	411.811.553.967	1.641.531.351.215	1.540.860.489.935	24.635.859.974	100.670.861.280
4. Giá vốn hàng bán	433.416.935.942	399.391.484.398	1.626.731.236.127	1.505.521.346.245	34.025.451.544	121.209.889.882
5. Lợi nhuận gộp về BH và c/c DV	3.030.477.999	12.420.069.569	14.800.115.088	35.339.143.690	(9.389.591.570)	(20.539.028.602)
6. Doanh thu hoạt động tài chính	5.544.871.098	5.542.456.411	18.934.546.962	28.700.774.834	2.414.687	(9.766.227.872)
7. Chi phí tài chính	(4.301.181.684)	14.228.980.557	(2.540.929.094)	37.997.578.479	(18.530.162.241)	(40.538.507.573)
- Trong đó: Chi phí lãi vay	1.106.731.316	999.796.943	3.976.668.667	7.739.125.025	106.934.373	(3.762.456.358)
8. Chi phí bán hàng	485.031.320	1.463.202.765	4.463.004.870	11.317.020.372	(978.171.445)	(6.854.015.502)
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	3.263.826.887	3.205.775.576	9.127.397.762	8.624.275.557	58.051.311	503.122.205
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	9.127.672.574	(935.432.918)	22.685.188.512	6.101.044.116	10.063.105.492	16.584.144.396
11. Thu nhập khác	1.750.388.809	1.817.440.371	7.039.010.715	7.295.095.289	(67.051.562)	(256.084.574)
12. Chi phí khác	496.546.923	518.638.000	1.281.855.178	894.652.221	(22.091.077)	387.202.957
13. Lợi nhuận khác	1.253.841.886	1.298.802.371	5.757.155.537	6.400.443.068	(44.960.485)	(643.287.531)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	10.381.514.460	363.369.453	28.442.344.049	12.501.487.184	10.018.145.007	15.940.856.865
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	2.283.591.829	228.665.991	6.210.840.588	2.888.285.881	2.054.925.838	3.322.554.707
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	8.097.922.631	134.703.462	22.231.503.461	9.613.201.303	7.963.219.169	12.618.302.158

BẢNG SO SÁNH SỐ LIỆU TRÊN BÁO CÁO HỢP NHẤT

Đơn vị tính: VNĐ

STT	CHỈ TIÊU	Quý 4/2024	Quý 4/2023	Năm 2024	Năm 2023	Chênh lệch Q4/24- Q4/23	Chênh lệch N 2024 -N 2023
	1	2	3	4	5	6=2-3	7=4-5
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	536.433.629.635	471.500.206.430	2.055.746.202.576	1.876.724.101.426	64.933.423.205	179.022.101.150
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	8.483.917.640	7.250.406.631	31.072.246.255	44.479.571.024	1.233.511.009	(13.407.324.769)
3	Doanh thu thuần về bán hàng và c.cấp dịch vụ	527.949.711.995	464.249.799.799	2.024.673.956.321	1.832.244.530.402	63.699.912.196	192.429.425.919
4	Giá vốn hàng bán	455.010.404.614	406.542.781.113	1.728.483.841.133	1.581.739.889.999	48.467.623.501	146.743.951.134
5	Lợi nhuận gộp bán hàng và c.cấp dịch vụ	72.939.307.381	57.707.018.686	296.190.115.188	250.504.640.403	15.232.288.695	45.685.474.785
6	Doanh thu hoạt động tài chính	3.852.867.704	4.185.048.076	19.052.898.919	17.284.558.039	(332.180.372)	1.768.340.880
7	Chi phí tài chính	5.564.779.824	11.560.976.762	24.268.832.972	41.492.810.286	(5.996.196.938)	(17.223.977.314)
8	Chi phí bán hàng	53.486.976.194	45.050.294.234	220.487.203.375	207.472.866.809	8.436.681.960	13.014.336.566
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	11.482.869.127	12.877.631.382	41.959.875.377	45.217.860.411	(1.394.762.255)	(3.257.985.034)
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	6.257.549.940	(7.596.835.616)	28.527.102.383	(26.394.339.064)	13.854.385.556	54.921.441.447
11	Thu nhập khác	4.998.963.572	4.992.777.475	20.024.981.676	20.016.914.830	6.186.097	8.066.846
12	Chi phí khác	2.461.755.846	1.304.926.583	8.449.506.424	5.264.249.353	1.156.829.263	3.185.257.071
13	Lợi nhuận khác	2.537.207.726	3.687.850.892	11.575.475.252	14.752.665.477	(1.150.643.166)	(3.177.190.225)
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	8.794.757.666	(3.908.984.724)	40.102.577.635	(11.641.673.587)	12.703.742.390	51.744.251.222
15	Chi phí thuế TNDN hiện hành	3.643.559.979	307.614.303	9.448.955.928	5.778.147.699	3.335.945.676	3.670.808.229
16	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	(937.648.027)	2.599.815.322	(829.243.185)	5.342.951.705	(3.537.463.349)	(6.172.194.890)
17	Lợi nhuận sau thuế TNDN	6.088.845.714	(6.816.414.349)	31.482.864.892	(22.762.772.991)	12.905.260.063	54.245.637.883
18	Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	5.016.453.050	1.769.312.255	24.787.305.973	3.680.037.017	3.247.140.795	21.107.268.956
19	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	1.072.392.664	(8.585.726.604)	6.695.558.919	(26.442.810.008)	9.658.119.268	33.138.368.927

Quý 4 năm 2024 Lãnh đạo tập đoàn PMG đã có biện pháp cải tiến điều hành kinh doanh mới, tình hình kinh doanh thuận lợi, sản lượng hàng tiêu thụ tăng so với cùng kỳ năm trước. nên về doanh thu và lợi nhuận quý 4 2024 tăng trưởng tốt so với quý 4 năm 2023

Trên đây là toàn bộ phần giải trình của Công ty chúng tôi
Trân trọng kính chào./.

Nơi nhận:
- *Như trên;*
- *Lưu VP.*

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ & SẢN XUẤT PETRO MIỀN TRUNG

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

NGUYỄN VĂN TRUNG